TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2022/QĐST-DS	*Đ, ngày 28 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 328, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20/10/2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 319/2021/TLST – DS ngày 21 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1961.

Địa chỉ cư trú: Số 60A, thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Bị đơn:

1.2.1. Bà Y, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 249, thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2.2. Bà K, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Số 249, thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà K: Bà Y, sinh năm: 1989. Theo văn bản ủy quyền đề ngày 29/9/2021.

Địa chỉ: Số 249, thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà K và bà Y có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 400.000.000đồng tiền đặt cọc và 400.000.000đồng tiền phạt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tổng cộng là 800.000.000đồng).

Bà Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H 200.000.000đồng tiền nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả hết số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.3. Về án phí: Bà K là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà K theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Y nhận chịu 9.000.000đồng (18.000.000đồng/2) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Bà Y nhận chịu 5.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp về hợp đồng hợp đồng dân sự vay, mượn tài sản.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007900 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 10.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008240 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Vũ